

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 04 năm 2019.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

“Nghiên cứu mã vạch DNA một số loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế ở vùng ven biển Việt Nam”. Mã số: NĐT.16.TW/16

Thuộc:

- Chương trình: *Hợp tác quốc tế theo chương trình Nghị định thư Việt Nam – Đài Loan*

- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

**- Mục tiêu chung của nhiệm vụ:**

Xây dựng được bộ mã vạch để định loại một số loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế phân bố trong hệ sinh thái rạn san hô và rừng ngập mặn ở vùng ven biển miền Bắc và miền Nam Việt Nam.

**- Mục tiêu cụ thể, trước mắt của nhiệm vụ:**

(1) Có được bộ mẫu 21 loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế phân bố trong hệ sinh thái rạn san hô và rừng ngập mặn điển hình ở vùng ven biển miền Bắc và miền Nam Việt Nam.

(2) Có được bộ mã vạch DNA của 21 loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế phân bố trong hệ sinh thái rạn san hô và rừng ngập mặn điển hình ở vùng ven biển miền Bắc và miền Nam Việt Nam.

(3) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ về sử dụng mã vạch DNA trong phân loại cá biển cho Việt Nam.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Phạm Thế Thư

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Tài nguyên và Môi trường biển

5. Tổng kinh phí thực hiện: 3.200 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.200 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: từ ngày 18 tháng 10 năm 2016

Kết thúc: ngày 17 tháng 10 năm 2018.

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền: đến ngày 17 tháng 04 năm 2019.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Phạm Thế Thu	Tiến sĩ, nghiên cứu viên chính	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
2	Nguyễn Văn Quân	Tiến sĩ, nghiên cứu viên cao cấp	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
3	Phạm Văn Chiến	Thạc sĩ, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
4	Trần Mạnh Hà	Tiến sĩ, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
5	Đình Văn Nhân	Thạc sĩ, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
6	Đậu Văn Thảo	Thạc sĩ, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
7	Bùi Mạnh Tường	Thạc sĩ, chuyên viên chính	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
8	Đào Hương Ly	Cử nhân, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
9	Nguyễn Mạnh Linh	Cử nhân, nghiên cứu viên	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
10	Trần Thị Phương	Cử nhân, trợ lý nghiên cứu	Viện Tài nguyên và Môi trường biển

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Các sản phẩm được hoàn thành đầy đủ và một số vượt theo nội dung hợp đồng, đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng đăng ký.

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Bộ mẫu của 21 loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế trong hệ sinh thái (Rạn san hô và Rừng ngập mặn) đại diện cho vùng ven biển miền Bắc và miền Nam Việt Nam		x			x			x	
2	Bộ mã vạch DNA của 21 loài cá có giá trị sinh thái và kinh tế cho hệ sinh thái (Rạn san hô và Rừng ngập mặn) đại diện cho khu vực ven biển miền Bắc và miền Nam, Việt Nam.	x			x				x	
3	Cơ sở dữ liệu DNA của 21 loài cá biển có giá trị sinh thái và kinh tế trong các hệ sinh thái kể trên.	x			x				x	

4	Phương pháp ứng dụng mã vạch DNA trong phân loại cá biển.		x			x			x	
5	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế	x			x			x		
6	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc gia		x			x		x		
7	Tham dự hội nghị hội thảo	x			x			x		
8	Thạc sỹ	x			x			x		

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1				

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Lần đầu tiên xác định được 1 bộ gồm 1789 mã vạch di truyền DNA của các gen COI, Cyt b, D-loop và 16S cá biển Việt Nam.

- Lần đầu tiên thiết lập thành công được 1 cơ sở dữ liệu mã vạch di truyền DNA cá biển Việt Nam với tổng số 1764 mã vạch của các gen COI, Cyt b, 16S và D-loop.

- Lần đầu tiên xác định được danh mục của tổng số 505 loài cá thuộc 288 giống, 120 họ và 47 bộ ở vùng ven biển Việt Nam thông qua phương pháp mã vạch di truyền. Trong đó, có 51 loài đang ở dạng "sp."

- Xác định được tổng số 59 loài cá là ghi nhận mới cho danh mục cá biển Việt Nam.

- Đưa ra được các minh chứng khoa học về tính hiệu quả và khả năng sử dụng phương pháp Mã vạch di truyền DNA trong phân loại cá biển Việt Nam.

- Công bố được 2 bài báo quốc tế, 2 bài báo trong nước, 1 sách song ngữ Anh - Việt.

- Đào tạo được 1 thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo 1 NCS và 1 thạc sĩ.

### 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

#### 3.1. Hiệu quả kinh tế

- Nhiệm vụ đã có sự kết hợp hài hòa giữa cơ sở vật chất của phía Việt Nam với sự hỗ trợ về nhân lực, vật lực của phía đối tác Đài Loan để giải quyết thành công các nội dung và mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ.

- Góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nghiên cứu phân loại cá và ứng dụng phương pháp phân tử về mã vạch di truyền DNA đạt chuẩn quốc tế trong việc xác định tên loài cá.

- Cơ sở dữ liệu mã vạch di truyền DNA cá biển Việt Nam với tổng số 1764 mã vạch của các gen COI, Cyt b, 16S và D-loop; có thể ứng dụng trong việc đối chiếu so sánh trong phân loại cá, truy xuất nguồn gốc cá và các sản phẩm từ cá biển Việt Nam.

- Đào tạo được 1 thạc sĩ, hỗ trợ 1 NCS và 1 Thạc sĩ; các cán bộ tham gia phía Việt Nam tiếp nhận được kỹ thuật Mã vạch di truyền từ các chuyên gia phía Đài Loan thông qua các hoạt động trực tiếp của nhiệm vụ.

#### 3.2. Hiệu quả xã hội

- Các kết quả nghiên cứu có được sau khi nhiệm vụ kết thúc sẽ là căn cứ khoa học quan trọng để chính quyền địa phương, các nhà quản lý, hoạch định chính sách ban hành các biện pháp tiếp cận công cụ mã vạch di truyền trong đánh giá đa dạng cá biển nói riêng và sinh vật biển nói chung nhằm đưa ra các biện pháp bảo vệ và quản lý bền vững và lâu dài nguồn lợi cá biển Việt Nam.

- Thông qua các hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ, các cán bộ khoa học Việt Nam đã có cơ hội học hỏi, tiếp cận các phương pháp nghiên cứu tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ và có thể ứng dụng trong các nghiên cứu về sinh học biển ở Việt Nam thời gian tới.

### **III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

Nhiệm vụ đã hoàn thành tốt các mục tiêu đã đặt ra, các sản phẩm của nhiệm vụ đủ và vượt về mặt số lượng và đảm bảo tốt về mặt chất lượng. Đặc biệt, mã vạch di truyền của số lượng các loài cá nghiên cứu là vượt so với đăng ký, các sản phẩm về công bố và đào tạo cũng đều vượt so với đăng ký.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký)

  
TS. Phạm Thị Thu

**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



**VIỆN TRƯỞNG**  
**Trần Đình Lân**